

**CÂU HỎI-ĐÁP ÁN THI TRỰC TUYẾN**  
**“TÌM HIỂU VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021”**  
**CHUYÊN ĐỀ 1: Cải cách thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến**  
(Kèm theo Thông báo số:  /TB-BTC ngày / /2021 của BCT Cuộc thi)

**Câu 1. Phát biểu sau đây nói về dịch vụ công trực tuyến mức độ mấy?**

Dịch vụ bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản có liên quan quy định về thủ tục hành chính đó, cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu, cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

- A. Mức độ 2
- B. Mức độ 3
- C. Mức độ 4

**Đáp án : B**, theo khoản 4, Điều 3, Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ

**Câu 2: Địa chỉ truy cập Cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai là gì?**

- A. <https://dichvucong.gov.vn>
- B. <https://dichvucong.gialai.gov.vn>
- C. <https://dvc.gialai.gov.vn>

**Đáp án B**, Truy cập tại cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai.

**Câu 3. <https://dichvucong.gov.vn> là địa chỉ của?**

- A. Cổng dịch vụ công quốc gia.
- B. Cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai.
- C. Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai.

**Đáp án A**, truy cập tại cổng dịch vụ công Quốc gia.

**Câu 4. Thứ tự đúng của các bước thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai?**

A. Đăng ký thông tin cá nhân – Đăng nhập tài khoản- Chọn lựa dịch vụ công- Nộp hồ sơ trực tuyến-Nhận kết quả xử lý hồ sơ.

B. Tiếp nhận hồ sơ- Chuyển xử lý hồ sơ- Giải quyết hồ sơ- Trả kết quả xử lý hồ sơ.

C. Cả a và b đều sai.

**Đáp án A**, truy cập cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai.

**Câu 5. Để tra cứu hồ sơ giải quyết dịch vụ công các mức độ (1,2,3,4) người tra cứu nhập thông tin gì vào mục “Tra cứu hồ sơ” trên Cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai?**

- A. Họ và tên người nộp hồ sơ.
- B. Mã số hồ sơ.
- C. Cả a và b đều đúng.

**Đáp án B**, truy cập Cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai

**Câu 6. Theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, khái niệm “Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử” được định nghĩa như thế nào?**

A. Là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến hành toàn bộ hoặc một số bước thực hiện thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc bằng phương tiện điện tử thông qua các dịch vụ công trực tuyến.

B. Việc cơ quan, tổ chức, cá nhân truy cập mạng Internet và nộp hồ sơ thủ tục hành chính qua môi trường mạng tới cơ quan, tổ chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

C. Cả a và b đều sai.

**Đáp án A**, theo khoản 2, Điều 3 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ

**Câu 7. Theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ, đối với quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cán bộ, công chức, viên chức phải kiểm tra hồ sơ điện tử tổ chức, cá nhân gửi đến, gồm những nội dung nào?**

A. Kiểm tra tính chính xác của thông tin tại mẫu đơn, tờ khai thông qua việc khai thác thông tin, dữ liệu tại các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đã sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin cho Cổng dịch vụ công

quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh;

B. Kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, tính hợp lệ, chính xác, nguyên vẹn đối với các thành phần hồ sơ được đăng tải, dẫn nguồn, các thành phần hồ sơ theo yêu cầu chứng thực điện tử; việc kiểm tra chữ ký số được thực hiện theo quy định của Luật Giao dịch điện tử.

C. Cả a và b.

**Đáp án C**, theo Khoản 2, Điều 11, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

**Câu 8. Theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước: Cấu trúc tên miền của Trang/Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện là gì?**

A. tencoquan.tentinhthanh.gov.vn.

B. tenquanhuyen.tentinhthanh.gov.vn.

C. Cả a và b đều đúng.

**Đáp án B**, theo điểm c, khoản 1, điều 6 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ

**Câu 9. Theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước: Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 khác dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 ở điểm cơ bản nào sau đây?**

A. Cách thức nộp hồ sơ.

B. Cách thức thanh toán phí, lệ phí.

C. Cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.

**Đáp án C**, theo điểm a, b, khoản 4, Điều 3, Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ

**Câu 10. Theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông**

**tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước: Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 khác dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 ở điểm cơ bản nào sau đây?**

- A. Cách thức thanh toán phí, lệ phí.
- B. Cách thức nộp hồ sơ.
- C. Cách thức tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

**Đáp án A**, theo điểm c, d khoản 4, Điều 3, Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ

**Câu 11. Theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước: Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử gồm các thành phần nào sau đây?**

- A. Trưởng Ban và các thành viên.
- B. Trưởng Ban và các Phó Trưởng Ban.
- C. Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các thành viên.

**Đáp án C**, theo khoản 3, Điều 21, Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

**Câu 12. Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”: Mục tiêu cơ bản đến năm 2025 của phát triển Chính phủ số đối với dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là:**

- A. 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;
- B. 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;
- C. 60% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

**Đáp án A**, theo gạch đầu dòng thứ nhất, điểm a, khoản 1, mục II. MỤC TIÊU CƠ BẢN thuộc Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

**Câu 13. Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”: Mục tiêu cơ bản đến năm 2030 của phát triển Chính phủ số đối với dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là:**

- A. 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;
- B. 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;
- C. 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

**Đáp án C**, theo gạch đầu dòng thứ nhất, điểm b, khoản 2, Mục II, MỤC TIÊU CƠ BẢN thuộc Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

**Câu 14. Trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh Gia Lai, dịch vụ công trực tuyến “Đăng ký thành lập hộ kinh doanh” do cơ quan có thẩm quyền nào giải quyết?**

- A. Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện;

- B. Phòng Kinh tế - Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện;
- C. Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện.

**Đáp án: A**, theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ.

**Câu 15. Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định các cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký thành lập hộ kinh doanh thì phải nộp lệ phí là bao nhiêu?**

- A. 50.000 đồng.
- B. 100.000 đồng.
- C. 75.000 đồng.

**Đáp án: B**, Theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 52/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**Câu 16. Dịch vụ công trực tuyến nào sau đây được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Gia Lai?**

- A. Đăng ký thành lập hộ kinh doanh;
- B. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh;
- C. Cả hai phương án A, B.

**Đáp án: C**, truy cập cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai.

**Câu 17. Dịch vụ công trực tuyến “Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách” được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ mấy Cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai ?**

- A. Mức độ 2
- B. Mức độ 3
- C. Mức độ 4

**Đáp án: C**, truy cập cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai.

**Câu 18. Những lĩnh vực nào sau đây đã được cung cấp tính năng thanh toán trực tuyến giúp người dân thanh toán trực tuyến ngay trên Cổng Dịch vụ công quốc gia?**

- A. Nộp phạt vi phạm hành chính lĩnh vực giao thông.
- B. Nộp thuế cá nhân, thuế doanh nghiệp, thuế môn bài trực tuyến trên toàn quốc.
- C. Cả 2 phương án trên.

**Đáp án: C**, truy cập cổng dịch vụ công Quốc gia.

**Câu 19. Đây là hình thức thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích?**

1. Gửi thư, bưu phẩm, hàng hóa.
2. Gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính;
3. Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
4. Chuyển tiền qua bưu điện.
5. Gửi hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

A: 1, 2.

B: 2, 3, 5.

C: Tất cả các hình thức đều đúng.

**Đáp án B**, theo Điều 5, Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

**Câu 20. Địa điểm nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức cá nhân?**

- A. Tại điểm phục vụ bưu chính của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.
- B. Tại địa chỉ theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.
- C. Cả a và b.

**Đáp án C**, theo Khoản 1, Điều 6, Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

**Câu 21. Theo Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Dịch vụ nhận gửi hồ sơ bao gồm bao nhiêu công đoạn?**

- A: 3 công đoạn.
- B: 6 công đoạn.
- C: 9 công đoạn.

**Đáp án C**, theo các điểm từ a-i, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông

**Câu 22. Theo Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Dịch vụ chuyển trả kết quả cơ bản có bao nhiêu công đoạn?**

- A. 8 công đoạn.
- B. 6 công đoạn.
- C. 4 công đoạn.

**Đáp án A**, theo các điểm từ a-h, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông

**Câu 23. Theo Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Kết quả giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân được chuyển lại cho cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp nào?**

A. Trường hợp sau khi không thực hiện được việc phát, nhân viên bưu chính đã mời tối thiểu hai lần, mỗi lần cách nhau 02 ngày làm việc nhưng tổ chức, cá nhân không đến nhận kết quả.

B. Trường hợp sau khi không thực hiện được việc phát, nhân viên bưu chính đã mời tối thiểu ba lần, mỗi lần cách nhau 02 ngày làm việc nhưng tổ chức, cá nhân không đến nhận kết quả.

C. Trường hợp sau khi không thực hiện được việc phát, nhân viên bưu chính đã mời tối đa ba lần, mỗi lần cách nhau 02 ngày làm việc nhưng tổ chức, cá nhân không đến nhận kết quả.

**Đáp án A**, theo điểm h, khoản 2, Điều 5, Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông

**Câu 24.** Theo Thông tư số 22/2017/TT-BTTTT ngày 29/9/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa và chính sách miễn, giảm cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Có bao nhiêu đối tượng được miễn cước phí dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả?

- A. 1 đối tượng.
- B. 3 đối tượng.
- C. 2 đối tượng.

**Đáp án C**, theo khoản 1, Điều 4 Thông tư số 22/2017/TT-BTTTT ngày 29/9/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

**Câu 25.** Theo Thông tư số 22/2017/TT-BTTTT ngày 29/9/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa và chính sách miễn, giảm cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Những đối tượng nào được miễn giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả?

- 1. Bà mẹ Việt Nam anh hùng.
  - 2. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động.
  - 3. Người hoạt động cách mạng trước ngày Tổng khởi nghĩa 19 tháng Tám năm 1945;
  - 4. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
  - 5. Vợ hoặc chồng, con đẻ, mẹ đẻ, bố đẻ của liệt sĩ;
- A. Phương án 1, 2, 3.
  - B. Phương án: 1, 3.
  - C. Phương án 4, 5.

**Đáp án B**, theo khoản 1, Điều 4 Thông tư số 22/2017/TT-BTTTT ngày 29/9/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

**Câu 26.** Theo Thông tư số 22/2017/TT-BTTTT ngày 29/9/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa và chính sách miễn, giảm cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Mức giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả là bao nhiêu?

- A. 20% giá cước.
- B. 40% giá cước.
- C. 50% giá cước.

**Đáp án C**, theo Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 22/2017/TT-BTTTT ngày 29/9/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

**Câu 27.** Theo Thông tư số 22/2017/TT-BTTTT ngày 29/9/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa và chính sách miễn, giảm cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Mức giá cước tối đa dịch vụ nhận gửi hồ sơ nội huyện Ia Grai đối với các hồ sơ có khối lượng không quá 100g là bao nhiêu?

- A. 26.000 đồng.

- B. 26.500 đồng.
- C. 31.000 đồng.

**Đáp án A**, theo mục 1. Phụ lục Mức giá cước tối đa dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích kèm theo Thông tư số 22/2017/TT-BTTTT ngày 29/9/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

**Câu 28. Theo Thông tư 22/2017/TT-BTTTT ngày 29/9/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa và chính sách miễn, giảm cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Đối tượng thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ khi sử dụng dịch vụ chuyển trả kết quả trong nội huyện Ia Grai sẽ phải trả giá cước là bao nhiêu đối với các kết quả có khối lượng không vượt quá 100g?**

- A. 26.000 đồng.
- B. 13.000 đồng.
- C. 31.000 đồng.

**Đáp án B**, theo Khoản 2, Điều 4 và Mục 2. Phụ lục Mức giá cước tối đa dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích kèm theo Thông tư số 22/2017/TT-BTTTT ngày 29/9/2017: Hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ được giảm giá cước 50% từ 26.000 đồng xuống 13.000 đồng.

**Câu 29. Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện thông báo về việc tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho tổ chức, cá nhân trong thời gian bao lâu kể từ khi hệ thống tiếp nhận?**

- A. Không muộn hơn 4 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận.
- B. Không muộn hơn tám giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận.
- C. Không muộn hơn 24 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận.

**Đáp án B**, theo khoản 4, điều 11, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

**Câu 30. Theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, có bao nhiêu hành vi cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận không được làm ?**

- A. 4 hành vi.
- B. 5 hành vi.
- C. 6 hành vi.

**Đáp án B**, theo khoản 2, điều 6, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

**Câu 31. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh nhằm mục đích gì?**

A. Để đảm bảo thực hiện đầy đủ, chính xác, đồng bộ, thống nhất, minh bạch và kịp thời các quy định thủ tục hành chính.

B. Tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhân dân kiểm tra, giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính.

- C. Cả 2 phương án trên.

**Đáp án: C**, theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

**Câu 32. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh; công bố thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của cá nhân nào sau đây?**

- A. Chủ tịch UBND cấp tỉnh.
- B. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.
- C. Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã.

**Đáp án: A**, theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 10 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

**Câu 33. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định: Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị như thế nào?**

A. Là hệ thống thông tin điện tử có chức năng hỗ trợ việc tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của cá nhân, tổ chức.

B. Là hệ thống thông tin điện tử có chức năng hỗ trợ việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của cá nhân, tổ chức.

C. Là hệ thống thông tin điện tử có chức năng hỗ trợ công khai kết quả xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của cá nhân, tổ chức.

**Đáp án: A**, theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ (bổ sung khoản 6 Điều 3 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ).

**Câu 34. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định: Cơ quan nào ở cấp huyện có trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch UBND chỉ đạo, điều hành về kiểm soát thủ tục hành chính và tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện?**

- A. Phòng Tư pháp.
- B. Văn phòng HĐND và UBND.
- C. Phòng Nội vụ.

**Đáp án: B**, theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ (sửa đổi khoản 10 Điều 7 Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ).

**Câu 35. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích không điều chỉnh nội dung nào sau đây?**

A. Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

B. Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với thủ tục hành chính yêu cầu tổ chức, cá nhân không được ủy quyền và phải có mặt trực tiếp để giải quyết.

C. Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính lựa chọn doanh nghiệp bưu chính không phải là doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính



công ích để chuyển phát hồ sơ đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước giải quyết thủ tục hành chính.

**Đáp án: B**, theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

**Câu 36. Việc chuyển phát hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích phải bảo đảm yêu cầu nào sau đây?**

A. Bảo đảm vai trò của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc chuyển phát hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; sự phối hợp giữa doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích với tổ chức, cá nhân và cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết thủ tục hành chính.

B. Chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chất lượng dịch vụ chuyển phát của cơ quan nhà nước; được hưởng các cơ chế ưu tiên, ưu đãi theo quy định của pháp luật đối với loại hình dịch vụ bưu chính công ích.

C. Cả 2 phương án trên.

**Đáp án: C**, theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 4 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

**Câu 37. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính được chuyển phát hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích phải có trách nhiệm nào sau đây?**

A. Niêm yết tại nơi giải quyết thủ tục hành chính và công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan đó (nếu có) danh mục thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công.

B. Niêm yết tại nơi giải quyết thủ tục hành chính và công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan đó (nếu có) thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

C. Cả 2 phương án trên.

**Đáp án: C**. Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 13 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

**Câu 38. Hiện nay, cơ chế một cửa, một cửa liên thông thực hiện theo quy định tại văn bản nào sau đây?**

A. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018.

B. Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018.

C. Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015.

**Đáp án: A**, Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 39. Để triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành văn bản nào sau đây?**

A. Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018.

B. Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 06/11/2018.

C. Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018.

**Đáp án: C**, Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

**Câu 40. Để triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, UBND tỉnh Gia Lai đã ban hành kế hoạch nào sau đây?**

A. Kế hoạch số 996/KH-UBND ngày 28/9/2018.

B. Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 25/01/2019.

C. Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 20/3/2019.

**Đáp án: A**, Kế hoạch số 996/KH-UBND ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

**Câu 41. Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính được giải thích như thế nào?**

A. Là phương thức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân của một cơ quan có thẩm quyền thông qua Bộ phận Một cửa quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

B. Là phương thức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua Bộ phận Một cửa quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

C. Là phương thức theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân của một cơ quan có thẩm quyền thông qua Bộ phận Một cửa quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

**Đáp án: A**, theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 42. Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính được giải thích như thế nào?**

A. Là phương thức phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết một thủ tục hành chính hoặc một nhóm thủ tục hành chính có liên quan với nhau.

B. Là phương thức phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết một thủ tục hành chính hoặc một nhóm thủ tục hành chính có liên quan với nhau, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

C. Là phương thức phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

**Đáp án: B**, theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 43. Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh được giải thích như thế nào?**

A. Là cổng tích hợp thông tin về dịch vụ công trực tuyến, về tình hình giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở tích hợp và chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh.

B. Là cổng tích hợp thông tin về tình hình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở tích hợp và chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh.

C. Là cổng tích hợp thông tin về dịch vụ công trực tuyến trên cơ sở tích hợp và chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh.

**Đáp án: A**, theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 44. Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính được giải thích như thế nào?**

A. Là nhận xét, kết luận của cơ quan có thẩm quyền về chất lượng và tiến độ thực hiện việc hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ, công chức, viên chức thực hiện.

B. Là nhận xét, kết luận của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân về chất lượng và tiến độ thực hiện việc hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ phận Một cửa, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện và cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.

C. Là nhận xét, kết luận của tổ chức, cá nhân về chất lượng và tiến độ thực hiện việc hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ, công chức, viên chức thực hiện.

**Đáp án: B**, theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 45. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?**

A. Lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan có thẩm quyền.

B. Việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được quản lý tập trung, thống nhất.

C. Cả 02 nguyên tắc trên.

**Đáp án: C**, theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 46. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?**

A. Giải quyết thủ tục hành chính kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, đúng pháp luật, công bằng, bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền.

B. Quá trình giải quyết thủ tục hành chính được đơn độc, kiểm tra, theo dõi, giám sát, đánh giá bằng các phương thức khác nhau trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và có sự tham gia của tổ chức, cá nhân.

C. Cả 02 nguyên tắc trên.

**Đáp án: C**, theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 4 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 47. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ không phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?**

A. Đảm bảo nguyên tắc tập trung, dân chủ.

B. Không làm phát sinh chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân ngoài quy định của pháp luật.

C. Cán bộ, công chức, viên chức cơ quan có thẩm quyền thực hiện trách nhiệm giải trình về thực thi công vụ trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

**Đáp án: A**. Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 48. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?**

A. Đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong giải quyết thủ tục hành chính.

B. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế có liên quan đến thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.

C. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính phải phối hợp chặt chẽ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Đáp án: B**, theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 49. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại trụ sở Bộ phận Một cửa và tại cơ quan có thẩm quyền không được thực hiện hành vi nào sau đây?**

A. Cờ quyền, sách nhiễu, gây phiền hà, khó khăn cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính; cản trở tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức nộp hồ sơ, nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

B. Cản trở hoặc ngăn chặn trái phép quá trình truyền, gửi, nhận dữ liệu điện tử; thay đổi, xóa, hủy, giả mạo, sao chép, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ nội dung dữ liệu thực hiện thủ tục hành chính.

C. Cả 02 hành vi trên.

**Đáp án: C**, theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 50. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại trụ sở Bộ phận Một cửa và tại cơ quan có thẩm quyền không được thực hiện hành vi nào sau đây?**

A. Tiết lộ thông tin về hồ sơ, tài liệu và các thông tin liên quan đến bí mật của tổ chức, cá nhân hoặc sử dụng thông tin đó để trục lợi; từ chối thực hiện, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính hoặc tự ý yêu cầu bổ sung hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật.

B. Trực tiếp giao dịch, yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không thông qua Bộ phận Một cửa, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đùn đẩy trách nhiệm, thiếu hợp tác, thiếu công bằng, không khách quan, không đúng pháp luật trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính; ứng xử, giao tiếp không phù hợp với quy chế văn hóa công sở.

C. Cả 02 hành vi trên.

**Đáp án: C**, theo điểm d, đ, e, g, h khoản 1 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 51. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính không được thực hiện hành vi sau đây?**

A. Gian lận, mạo nhận, chiếm đoạt, sử dụng trái phép hồ sơ, tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Cản trở việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức,

cá nhân; dùng các thủ đoạn khác để lừa dối, hối lộ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

B. Vu khống, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, mạo danh người khác để tố cáo sai sự thật, không có căn cứ, không có chứng cứ chứng minh hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền trong hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

C. Cả hai hành vi trên.

**Đáp án: C**, theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 52. Nguyên tắc nào sau đây không phải là nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ?**

A. Lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan có thẩm quyền.

B. Không làm phát sinh chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân ngoài quy định của pháp luật.

C. Làm việc tập thể, thảo luận và quyết định theo đa số.

**Đáp án: C**, theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 53. Theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, nguyên tắc nào sau đây là nguyên tắc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông?**

A. Giải quyết thủ tục hành chính kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, đúng pháp luật, công bằng, bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền.

B. Gây khó khăn, những nhiễu khi giải quyết thủ tục hành chính.

C. Tự cân đối thu chi, đảm bảo hoạt động của cơ quan, đơn vị.

**Đáp án: A**, theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 54. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính không được thực hiện hành vi nào sau đây?**

A. Xúc phạm danh dự của cơ quan có thẩm quyền; dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

B. Nhận xét, đánh giá thiếu khách quan, không công bằng, không trung thực, không đúng pháp luật, không đúng thực tế với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

C. Cả hai hành vi trên.

**Đáp án: C**, theo quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 55. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một**

**cửa liên thông tại trụ sở Bộ phận Một cửa và tại cơ quan có thẩm quyền không được thực hiện hành vi sau đây?**

A. Quản lý tập trung, thống nhất việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

B. Từ chối thực hiện, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính hoặc tự ý yêu cầu bổ sung hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật.

C. Ứng xử, giao tiếp phù hợp với quy định của pháp luật về văn hóa công sở.

**Đáp án: B**, theo điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 56. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và doanh nghiệp, cá nhân được thuê hoặc được ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính không được thực hiện hành vi nào sau đây?**

A. Cản trở quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

B. Lừa dối cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, người thuê, người ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính.

C. Cả hai hành vi trên.

**Đáp án: C**, theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 57. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện hành vi nào sau đây?**

A. Dùng các thủ đoạn khác để lừa dối, hối lộ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

B. Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo cán bộ, công chức, viên chức khi có căn cứ, chứng cứ chứng minh việc hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không đúng quy định của pháp luật và hành vi vi phạm pháp luật khác có liên quan.

C. Nhận xét, đánh giá thiếu khách quan, không công bằng, không trung thực, không đúng pháp luật, không đúng thực tế với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**Đáp án: B**, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 58. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính không được thực hiện hành vi nào sau đây?**

A. Vu khống, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, mạo danh người khác để tố cáo sai sự thật, không có căn cứ, không có chứng cứ chứng minh hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền trong hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

B. Từ chối thực hiện những yêu cầu không được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính.

C. Phản ánh, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về sự không cần thiết, tính không hợp lý và không hợp pháp của thủ tục hành chính.

**Đáp án: A**, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 59 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính có các quyền nào sau đây?**

A. Phản ánh, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về sự không cần thiết, tính không hợp lý và không hợp pháp của thủ tục hành chính.

B. Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo cán bộ, công chức, viên chức khi có căn cứ, chứng cứ chứng minh việc hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không đúng quy định của pháp luật và hành vi vi phạm pháp luật khác có liên quan.

C. Cả hai phương án trên.

**Đáp án: C**, theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 60. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông phải chịu trách nhiệm về những nội dung nào sau đây?**

A. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác của các giấy tờ có trong hồ sơ và cung cấp đầy đủ thông tin có liên quan; thực hiện đầy đủ các quy định về giải quyết thủ tục hành chính và các quy định của Bộ phận Một cửa; nộp đầy đủ các khoản phí, lệ phí (nếu có) theo quy định.

B. Khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa phải mang theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, trường hợp được ủy quyền nhận thay thì mang thêm giấy ủy quyền của người đã ủy quyền đi nhận thay kết quả.

C. Cả hai phương án trên.

**Đáp án: C**, theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

-----hết-----

